

GIÁ TRỊ BIỂU ĐẠT CỦA TỪ GHÉP CHỈ MÀU SẮC TRONG TIẾNG PA CÔ

TRƯƠNG THỊ CÚC*

Abstract: The research on the language, the writing, and the identity of ethnic minorities in general and ethnic minorities in the mountainous district of A Lưới of Thừa Thiên Huế province in particular, is one of the important issues that contribute to preserving the culture and identity of the ethnic groups in Vietnam. Since the class of words indicating color can reflect clearly the cultural and thinking characteristics of a community, the research of it in Pacoh language will show how the imprints of culture, identity and thinking of Pacoh people are expressed through the language. This article will clarify the above-mentioned issues through the system of words indicating colors in Pacoh language.

Keywords: *compound word for color, Pacoh language, expressive value.*

1. Màu sắc là một hiện tượng phổ quát của sự vật, của thế giới vật chất và tinh thần của con người. Lớp từ chỉ màu sắc ở mỗi dân tộc là không giống nhau, bởi điều này phản ánh nét đặc trưng của tư duy, văn hóa của mỗi một cộng đồng người. Nhà ngôn ngữ học người Nga, Apresjan Ju. đã từng nói rằng “những người nói ngôn ngữ khác nhau có thể nhìn thấy thế giới hơi khác nhau thông qua lăng kính ngôn ngữ của mình”. Hay thuyết tương đối luận trong ngôn ngữ của hai nhà ngôn ngữ học người Mỹ [6] đã nêu ra quan điểm: “việc học ngôn ngữ thứ nhất giúp chúng ta thụ đắc một thế giới quan khác hẳn thế giới quan của người bản ngữ thuộc ngôn ngữ khác”. Vậy nên, việc tìm hiểu về lớp từ chỉ màu sắc, đặc biệt là các từ ghép chỉ màu sắc trong tiếng Pa Cô sẽ giúp làm rõ hơn về bản sắc văn hóa, tư duy của người Pa Cô thông qua một nhóm từ điển hình.

2. Cơ sở lí thuyết

2.1. Từ và ngữ

Như mọi người đều biết, từ là đơn vị cơ bản của ngôn ngữ. Tuy nhiên, đây là đơn vị không dễ dàng có được định nghĩa thống nhất. Trên thế giới hiện nay có đến hàng trăm định nghĩa khác nhau về từ. Đó là do cách định hình, chức năng và cả những đặc điểm ý nghĩa của từ trong các ngôn ngữ khác nhau là không giống nhau. Các nhà Việt ngữ học cũng đã đưa ra các quan niệm không hoàn toàn giống nhau về từ. Các tác giả của *Cơ sở Ngôn ngữ học và tiếng Việt* đã định nghĩa: “Từ là đơn vị nhỏ nhất có nghĩa, có kết cấu vô ngữ âm bền vững, hoàn chỉnh, có chức năng gọi tên, được vận dụng độc lập, tái hiện tự do trong lời nói để tạo câu” [3, tr. 170]. Cũng gần với quan niệm trên, Nguyễn Tài Căn trong *Ngữ pháp tiếng Việt* đã định nghĩa: “Từ là đơn vị nhỏ nhất có thể vận dụng độc lập ở trong câu” [1]. Phát triển sâu hơn nhận thức về từ, trong công trình *Các bình diện của từ và từ tiếng Việt*, Đỗ Hữu Châu đã định nghĩa: “Từ là đơn vị ngôn ngữ mà bắt đầu từ nó ngôn ngữ mới thực hiện chức năng giao tiếp và chức năng tư duy” [2, tr. 20]. Trong công trình *777 khái niệm ngôn ngữ học*, Nguyễn Thiện Giáp cũng cho rằng: “Từ là đơn vị nhỏ nhất của ngôn ngữ, độc lập về ý nghĩa và hình thức” [4, tr. 440].

* Trường Tiểu học Hồng Quảng, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Từ những quan niệm như trên, để có được định nghĩa về từ để làm cơ sở miêu tả hệ thống từ ngữ chỉ màu sắc trong tiếng Pa Cô, chúng tôi chấp nhận định nghĩa về từ như sau: *Từ là đơn vị nhỏ nhất của ngôn ngữ, có tính thống nhất về hình thức và độc lập về ý nghĩa.*

Xét về mặt cấu tạo, đối với các ngôn ngữ thuộc loại hình đơn lập, các nhà nghiên cứu trước hết phân chia thành hai loại: *từ đơn* và *từ phức*. Sự phân biệt này cũng áp dụng cho tiếng Pa Cô, theo đó từ đơn là những từ do một hình vị tạo thành như các từ *kloq* (trắng), *moong* (xanh), ... Từ phức là những từ có từ 2 hình vị trở lên tạo thành như các từ *koom arăng* (đen nâu), *kloq moong* (trắng xanh), *kloq kusoso* (trắng hồng), ... Căn cứ vào tính chất của mối quan hệ giữa các hình vị trong từ phức, các nhà nghiên cứu lại phân chia thành hai loại là từ ghép và từ láy, Theo đó, trong tiếng Pa Cô, từ ghép là những từ do hai hình vị trở lên tạo thành, trong đó giữa các hình vị có quan hệ về mặt ý nghĩa như các từ *moong aráq ula pêq nnhom* (xanh chuối non), *moong aráq rbang* (xanh da trời), *arăng koom* (nâu đen),... *Từ láy* là những từ do hai hình vị trở lên có quan hệ về âm thanh tạo thành như các từ *kuso so Kuso so* (hồng hồng), *Pluaq Pluaq* (bạc bạc),...

Ngữ (cụm từ) là các tổ hợp bao gồm từ hai thực từ trở lên có quan hệ ngữ pháp với nhau. Tập thể tác giả trong *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, xem *cụm từ* cũng chính là *ngữ*: “Đó là một kết cấu cú pháp được tạo thành bởi hai hoặc nhiều thực từ trên cơ sở liên hệ ngữ pháp phụ thuộc - theo quan hệ phù hợp, chi phối hay liên hợp. *Ngữ* còn được gọi là *cụm từ*, *từ tổ*” [9, tr.176]. Với quan niệm cụm từ (hay ngữ) như trên, nhóm tác giả này phân chia thành các loại cụm từ: cụm từ cố định, cụm từ tự do, cụm từ đơn, cụm từ phức, cụm từ chính phụ, cụm từ chủ vị, cụm từ đẳng lập, ...

Để thuận lợi cho việc khảo sát giá trị biểu đạt của từ ngữ chỉ màu sắc trong tiếng Pa Cô, chúng tôi thống nhất với quan niệm của các tác giả trong *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học* [9]. Theo đó, khi khảo sát hệ thống ngữ biểu thị màu sắc, chúng tôi sẽ phân chia các ngữ trước hết thành 2 loại:

- *Ngữ tự do*, ví dụ: *moong aráq rbang* (xanh da trời), *tărluk aráq klo atop* (xám ngọc trai), *tum aráq piar akung* (tím hoa cà), ...

- *Ngữ cố định* (thành ngữ) *kuso rmai q atooq cutoor* (mặt đỏ tía tai), *râu kârróh kloqkineng* (lo bò trắng răng), *adáh moong mắt ameq* (sợ xanh mắt mèo), ...

Trong mỗi loại, căn cứ vào tính chất của mối quan hệ giữa các thành tố trong ngữ, chúng tôi lại phân chia thành các loại:

- *Kết cấu đẳng lập*, ví dụ: *kuso lom*, *moóng ngkăr* (đỏ lòng xanh vỏ), ...

- *Kết cấu chính phụ*, ví dụ: *tum aráq piar akung* (tím hoa cà), ...

- *Kết cấu chủ vị*, ví dụ: *too nraq kloon alâng yâu nraq* (bạn vàng chơi với bạn vàng), ...

Ngữ liệu từ ngữ chỉ màu sắc trong tiếng Pa Cô được thu thập ở các sách, truyện cổ bằng tiếng Pa Cô, sách dạy chữ viết cho người Pa Cô và ngữ liệu điền dã bằng cách sử dụng bảng màu Munsell để thu thập ngữ liệu. Chúng tôi thống kê được 106 từ chỉ màu sắc, trong đó 10 từ đơn, 73 từ ghép và 23 từ láy. Ở bài báo này, chúng tôi chỉ giới hạn phạm vi nghiên cứu ở từ ghép - từ chỉ màu sắc phái sinh của người Pa Cô. Bởi lẽ, nhóm từ ghép là nhóm từ chỉ màu phái sinh thể hiện rõ nhất về cách tư duy, liên tưởng và mang dấu ấn về văn hóa của người Pa Cô.

2.2. Từ ngữ chỉ màu sắc

Trong tiếng Việt, vấn đề này đã được nhiều tác giả quan tâm. Tác giả Đào Thản trong *Hệ thống từ ngữ chỉ màu sắc của tiếng Việt trong sự liên hệ với mấy điều phổ quát* [7] đã cho rằng, trong tiếng

Việt tồn tại hai lớp từ chỉ màu sắc: lớp từ cơ sở (trừu tượng) và lớp từ đặc trưng (cụ thể) giống như các ngôn ngữ khác. Vận dụng lý thuyết về từ ngữ chỉ màu sắc để nghiên cứu tiếng Việt, Nguyễn Khánh Hà [5] đã phân loại hệ thống các từ chỉ màu thành 3 loại là từ chỉ màu cơ bản, từ chỉ màu phái sinh, từ chỉ màu cụ thể đồng thời phân tích đặc điểm của mỗi loại.

Khi bàn về từ ngữ chỉ màu sắc trong tiếng Pa Cô, chúng tôi không chỉ nói đến các từ ngữ biểu thị màu sắc trong thế giới vật chất như *moong aráq rbang* (xanh da trời), *moong aráq(jon) dăq vingkavang* (xanh nước biển),... mà còn biểu thị màu sắc trong thế giới tinh thần, màu sắc của cảm xúc, tâm trạng thông qua các ẩn dụ, hoán dụ ý niệm của tư duy người nói như *tum ârmaiq aráq kulăi quan* (mặt tím như quả bò quân), *tum lom túq roiq* (thâm gan tím ruột), ...

Cũng như ở các ngôn ngữ khác, việc nghiên cứu giá trị biểu đạt của các từ ngữ chỉ màu sắc trong tiếng Pa Cô sẽ góp phần chứng minh đặc trưng tư duy, nét riêng về văn hóa dân tộc Pa Cô, đồng thời chứng minh khả năng phản ánh hiện thực đa dạng, phong phú và sâu sắc của hệ thống từ ngữ tiếng Pa Cô nói chung, hệ thống từ ngữ chỉ màu sắc nói riêng.

3. Giá trị biểu đạt của từ ghép chỉ màu sắc trong tiếng Pa Cô

Căn cứ vào tính chất của mối quan hệ giữa các thành tố, từ ghép tiếng Pa Cô được chia ra làm hai loại: ghép chính phụ và ghép đẳng lập. Các từ ghép chỉ màu sắc cũng thuộc hai loại này:

- Từ ghép chính phụ như *kuso tung pung* (đỏ rực), *kloq tikăn* (trắng sữa), *raq preeng* (vàng khô), *moong lư* (xanh biếc), ...
- Từ ghép đẳng lập như *raq arăng* (vàng nâu), *kloq moong* (trắng xanh), *kuso so arăng* (hồng nâu), *koom kuso* (đen đỏ), ...

Trong cấu tạo ghép chính phụ, lại có thể chia nhỏ thành hai dạng cấu trúc:

(1) Cấu trúc “yếu tố chỉ màu + yếu tố chỉ sắc độ” như *kuso tung pung* (đỏ rực), *raq preeng* (vàng khô), ...

(2) Cấu trúc “yếu tố chỉ màu + yếu tố chỉ vật đại diện” như *kloq tikăn* (trắng sữa), *kuso arieu achek* (đỏ rượu chát),...

Về giá trị biểu đạt của hai loại từ ghép (ghép chính phụ và ghép đẳng lập), cũng như hai loại ghép chính phụ là khác nhau.

3.1. Đối với loại ghép chính phụ kiểu cấu trúc “yếu tố chỉ màu + yếu tố chỉ sắc độ”

Đây là cái khuôn tri nhận và sáng tạo hàng loạt các từ biểu thị màu sắc trong tiếng Pa Cô cũng như nhiều ngôn ngữ khác, với nội dung miêu tả sự tăng giảm về mức độ và sắc độ của màu sắc. Tác giả Chu Bích Thu trong bài báo *Cơ sở trái nghĩa của một số nhóm tính từ tiếng Việt* [8] đã cho rằng đây là các “tính từ tính chất có mức độ”. Qua việc khảo sát hệ thống từ biểu thị màu sắc trong tiếng Pa Cô, các tính chất màu được ghi nhận hết sức cụ thể với những mức độ đậm nhạt khác nhau. Sự biến đổi về tính chất màu ấy được thể hiện bằng các yếu tố chỉ sắc độ. Ví dụ: Đối với màu *koom* (đen) có các sắc độ như *béeq* (bóng), *ngoot* (đặc), *tărluk* (sạm); Đối với màu *kuso* (đỏ) có các sắc độ như *tung pung* (rực), *aham* (chói) *róh* (hoét),...

Có thể nói ngay trong cơ cấu ngữ nghĩa của các yếu tố chỉ sắc độ này đã có tính chất đặc thù khu biệt giá trị của nó. Đặc tính này khi gắn kết, bổ sung ý nghĩa cho thành tố chính biểu thị màu trong từ ghép chính phụ kiểu cấu trúc “yếu tố chỉ màu + yếu tố chỉ sắc độ” đã biểu thị các sắc thái

đánh giá màu sắc ở những mức độ khác nhau theo sự bình giá của người nói. Chính sắc thái đánh giá ấy đã phân nào thể hiện nét riêng trong cách tri nhận, cảm thụ tinh tế của người Pa Cô về thế giới xung quanh, đặc biệt là thế giới màu sắc.

Mặc dù các yếu tố (các từ) biểu thị mức độ, sắc độ của màu sắc trong tiếng Pa Cô không phong phú, đa dạng như trong tiếng Việt nhưng đây cũng là một trong những cách thức biểu thị sự đa dạng, phong phú của hệ thống màu sắc trong thế giới hiện thực của người Pa Cô.

Đi sâu phân tích giá trị biểu đạt của các từ ghép chính phụ có cấu trúc kiểu “yếu tố chỉ màu + yếu tố chỉ sắc độ”, ta thấy, mỗi yếu tố biểu thị mức độ, sắc độ có phạm vi hoạt động không hoàn toàn giống nhau. Có những đơn vị chuyên biểu thị thuộc tính của một tính chất màu nào đó, nhưng cũng có những đơn vị lại có khả năng biểu thị nhiều thuộc tính khác nhau của các tính chất màu khác nhau. Đặc điểm này cho thấy mỗi đơn vị biểu thị sắc độ, mức độ biểu thị thuộc tính của một hay nhiều tính chất màu phụ thuộc vào hai nguyên nhân: đặc trưng màu cụ thể trong hiện thực và cách tri nhận của người bản ngữ.

Đặc trưng cơ bản về giá trị biểu đạt của từ ghép chính phụ có cấu trúc kiểu “yếu tố chỉ màu + yếu tố chỉ sắc độ” là cấu trúc ngữ nghĩa của các từ thuộc nhóm này, xét về mặt chức năng, bao gồm hai thành phần:

- Thứ nhất là thành phần *nghĩa miêu tả*, bao gồm các nét nghĩa chỉ phạm trù xác định, nét nghĩa so sánh, là những nét nghĩa biểu thị thuộc tính của một tính chất màu.
- Thứ hai là thành phần *nghĩa biểu cảm*, biểu thị mối quan hệ đánh giá cảm nhận của con người đối với tính chất màu, nghĩa là biểu thị thái độ của con người đối với sự tác động trực tiếp của màu.

Hai thành phần nghĩa này đều có vai trò ngang nhau trong việc tạo nên giá trị biểu đạt của các từ ghép chính phụ chỉ màu sắc. Tuy nhiên giữa hai thành phần nghĩa này có sự khác nhau về trật tự lô gích, về trật tự từ của quá trình tri nhận theo hướng từ rộng đến hẹp, từ cụ thể đến trừu tượng, từ xác định đến không xác định, từ trực tiếp đến gián tiếp, từ khách quan đến chủ quan.

Giá trị biểu đạt của các từ ghép chính phụ thể hiện ở cấu trúc ngữ nghĩa với trật tự các nét nghĩa như sau: màu xác định - sắc độ - tính biểu cảm:

- *kuso tung pung*: màu đỏ - đều khắp, hài hòa - hấp dẫn, bắt mắt.
- *kuso róch*: màu đỏ - mức độ cực cấp - không đẹp, không cảm tình.
- *kuso aráq aham*: màu đỏ - chói chang - không thích mắt.

Thành phần nghĩa biểu cảm chính là sự bình giá của con người đối với tác động từ khách thể của một tính chất màu. Thành phần nghĩa này là một trong những yếu tố tích cực khu biệt từng từ trong nhóm. Cùng một phạm trù màu nhưng với những sắc độ khác nhau có thể gây ra những cảm giác không giống nhau. Những cảm giác này, nếu được đa số cộng đồng người nói chấp nhận, sẽ dần ổn định và đi vào nghĩa của từ, trở thành bộ phận có tính chất đánh giá trong nghĩa của từ.

Như vậy, trong cấu trúc ngữ nghĩa của từ ghép chính phụ biểu thị màu sắc kiểu cấu trúc “yếu tố chỉ màu + yếu tố chỉ sắc độ”, nghĩa của yếu tố chỉ màu được xem là cơ sở trong cơ cấu nghĩa của cả tổ hợp, còn yếu tố chỉ sắc độ mang nghĩa chuyên, nghĩa biểu trưng, thông báo đặc trưng khu biệt.

3.2. Đối với những từ ghép chính phụ biểu thị màu sắc theo cấu trúc kiểu “yếu tố chỉ màu + vật đại diện”

Có thể nói, đây là một trong những cách tri nhận rất tinh tế, cụ thể, trực quan về thế giới màu sắc của người Pa Cô. Hình thức biểu đạt màu sắc theo kiểu cấu trúc này chiếm một số lượng khá lớn trong kho từ vựng biểu đạt màu sắc của tiếng Pa Cô.

Trong kho từ vựng tiếng Pa Cô, có một số lượng khá lớn từ ngữ, cấu trúc miêu tả biểu đạt màu sắc sử dụng tên gọi của các sự vật hiện tượng (vật đại diện) trong thế giới hiện thực làm chuẩn cho sự định danh màu sắc cụ thể. Ví dụ: *koom ku nhâq deen* (đen khói đèn), *kuso apong pêq* (đỏ hoa chuối), *raq aráq soh tro* (vàng rơm), *kloq tikăn* (trắng sữa), *moong kălmok* (xanh rêu), ...

Đó là những sự vật hiện tượng trong tự nhiên với những thuộc tính đặc thù có tính “ấn tượng”, được cảm nhận bằng thị giác. Vì vậy, “vật đại diện” không chỉ đa dạng về hình thức mà còn phức tạp về sắc thái biểu đạt, biểu hiện đậm nét đặc trưng tư duy dân tộc. Thông qua “vật đại diện”, việc ghi nhận sắc độ của màu gắn liền với thuộc tính về màu của sự vật hiện tượng trong tự nhiên đã phản ánh được lối tư duy trừu tượng, kinh nghiệm cũng như cách nhìn, cách tri nhận thế giới màu sắc của cộng đồng người Pa Cô.

Về giá trị biểu đạt của từ ghép chính phụ theo dạng cấu trúc này, khác với kiểu cấu trúc “yếu tố chỉ màu + yếu tố chỉ sắc độ”, có hai thành phần nét nghĩa: nghĩa miêu tả và nghĩa biểu trưng.

(1) Thành phần nghĩa miêu tả

Nghĩa miêu tả được xác định cụ thể bằng các màu cơ bản kèm theo nét nghĩa so sánh với màu vật đại diện. Nét nghĩa so sánh với màu của vật đại diện không chỉ tiềm ẩn trong cấu trúc nghĩa của các từ mà được biểu hiện bằng hình thức cụ thể: tên gọi của sự vật hiện tượng đặc thù.

Ví dụ: *koom ku nhâq deen*: (màu đen) + (như màu khói đèn); *kuso apong pêq*: (màu đỏ) + (như màu hoa chuối)

Nét nghĩa so sánh kết hợp với nét nghĩa xác định màu cụ thể tạo nên nét nghĩa cơ bản khu biệt các từ ngữ khác nhau cùng biểu thị một màu cơ bản nhưng lại khác nhau về sắc thái.

Ví dụ: *koom* (màu đen): *koom ku nhâq deen* (đen khói đèn), *koom ku chah abung* (đen than tre), *koom ku chah soq tro* (đen than rơm), ...; *raq* (màu vàng): *raq aráq kêm* (vàng kềm), *raq aráq soh tro* (vàng rơm), *raq aráq ârngoat* (vàng nghệ), *raq ngăkăr kârroq* (vàng da bò), *raq aráq pieeh* (vàng chanh),...

Các ví dụ trên cho thấy, nét nghĩa so sánh được chuyển hóa sang nét nghĩa tiếp theo - nét nghĩa có chức năng hiện thực hóa, cụ thể hóa tính chất màu. Sự hiện thực hóa nét nghĩa so sánh trong giao tiếp là một trong những cơ sở để tạo ra hàng loạt từ biểu đạt màu sắc có cùng kiểu cấu trúc ngữ nghĩa trong hệ thống từ vựng biểu đạt màu. Các thuộc tính khác nhau như *raq aráq pieeh*, *raq aráq ârngoat*, *raq aráq soh tro*, *raq ngăkăr kârroq*, ... thực chất là những cách cụ thể hóa các tính chất khác nhau của cùng một tính chất màu vàng.

(2) Thành phần nghĩa biểu trưng

Sự hình thành nghĩa miêu tả trong cấu trúc ngữ nghĩa của hệ thống từ ngữ chỉ màu sắc theo cấu trúc kiểu “yếu tố chỉ màu + vật đại diện”, là quy luật chung của tư duy nhân loại. Mỗi cộng đồng sẽ

có sự lựa chọn các vật đại diện nào đó phù hợp để kết hợp với yếu tố chỉ màu. Trái lại, thành phần nghĩa biểu trưng không chỉ là sự biểu trưng độc đáo về tâm lí, tình cảm, mà còn là sự biểu trưng cho văn hóa của người Pa Cô.

Được tách ra từ thành phần nghĩa miêu tả, nghĩa biểu trưng đã tạo nên tính chất đặc thù của lớp từ biểu đạt màu sắc trong tiếng Pa Cô. Sự so sánh ngầm trong cấu trúc ngữ nghĩa thể hiện quy luật tri nhận các sự vật hiện tượng - thế giới màu sắc gần gũi trong tâm thức cũng như trong đời sống thực tế của cộng đồng người Pa Cô. Đặc trưng của nền văn hóa vùng rừng núi, canh tác nương rẫy, đã để lại “dấu ấn” ngay trên hình thức cũng như cấu trúc ngữ nghĩa của hình thức biểu đạt màu sắc này. Yếu tố “vật đại diện” trong cấu trúc từ biểu thị màu sắc (cái được so sánh) hoàn toàn không phải là sự vật hiện tượng hoàn toàn xa lạ, trừu tượng, mà ngược lại là những sự vật hiện tượng gần gũi trong đời sống sinh hoạt của cộng đồng.

Giá trị biểu đạt trong cấu trúc ngữ nghĩa của các từ ghép chính phụ nói trên là những minh chứng cụ thể về khả năng tư duy trừu tượng của đồng bào Pa Cô trong việc nhận thức thế giới hiện thực nói chung, thế giới màu sắc nói riêng. Bởi lẽ, khi tri nhận cùng một màu *kuso* (đỏ), nhưng không phải bằng cách so sánh với các sự vật trừu tượng, mà bằng sự liên hệ với các sự vật hiện tượng vật chất, cụ thể, trực quan, gần gũi trong đời sống sinh hoạt hàng ngày như *achook* (hạt dẻ), *apong pêq* (hoa chuối), *aham adurah* (máu vượn), ...

3.3. Đối với các từ ghép đẳng lập biểu thị màu sắc kiểu cấu trúc “yếu tố chỉ màu + yếu tố chỉ màu”

Thực chất, đây là sự kết hợp “pha trộn” hai từ chỉ hai màu. Do đó, nghĩa biểu đạt màu sắc của từ, về cơ bản là sự tích hợp ngữ nghĩa của hai yếu tố. Ví dụ: *raq arăng*: *raq* (vàng) + *arăng* (nâu); *kloq moong*: *kloq* (trắng) + *moong* (xanh); *kuso so arăng*: *kuso so* (hồng) + *arăng* (nâu); ...

Như vậy, nghĩa của từ biểu thị màu *koom kuso*, không phải là màu *koom* (đen), cũng không phải là màu *kuso* (đỏ); mà là biểu thị màu vừa *koom* (đen) vừa *kuso* (đỏ) hoặc nửa *koom* (đen) nửa *kuso* (đỏ).

Về giá trị biểu đạt, trong thành phần ngữ nghĩa của từ ghép đẳng lập chỉ màu sắc kiểu cấu trúc “yếu tố chỉ màu + yếu tố chỉ màu” tồn tại hai loại nét nghĩa: nét nghĩa chỉ phạm trù và nét nghĩa miêu tả.

- Nét nghĩa chỉ phạm trù màu luôn luôn có mặt trong các yếu tố của cấu trúc.
- Nét nghĩa miêu tả là nét nghĩa “tích hợp”, cụ thể hóa phạm trù màu với những tính chất màu xác định, là sự pha trộn màu.

Vì vậy, các từ ghép đẳng lập biểu thị màu sắc kiểu cấu trúc này là sự “bổ khuyết” cho cách tri nhận màu sắc trong thế giới hiện thực của các cộng đồng người nói chung, cộng đồng người Pa Cô nói riêng.

Về hình thức, các từ ghép đẳng lập biểu thị màu sắc là sự kết hợp của hai từ biểu thị hai màu khác nhau. Nhưng trong cơ cấu của nét nghĩa miêu tả vẫn tồn tại một trật tự nhất định: tính chất màu chính thường được biểu đạt ở yếu tố thứ nhất, yếu tố thứ hai mang nét nghĩa phụ. Nói cách khác, gánh nặng ngữ nghĩa dường như nghiêng về yếu tố thứ nhất. Vậy nên, trong thực tế, khó có những kết hợp biểu thị màu sắc theo trật tự ngược lại. Ví dụ: trong tiếng Pa Cô có màu *raq arăng* (vàng nâu) chứ không có màu *arăng raq* (nâu vàng), có màu *kloq moong* (trắng xanh) chứ không có màu *moong kloq* (xanh trắng).

4. Kết luận

Vận dụng phương pháp phân tích cấu trúc ngữ nghĩa để khảo sát giá trị biểu đạt của từ ghép biểu thị màu sắc trong tiếng Pa Cô, chúng tôi đã tiến hành phân tích các kiểu cấu tạo của từ ngữ sau đây: Từ ghép chính phụ kiểu cấu trúc “yếu tố chỉ màu + yếu tố chỉ sắc độ”, từ ghép chính phụ kiểu cấu trúc “yếu tố chỉ màu + vật đại diện”, từ ghép đẳng lập kiểu cấu trúc “yếu tố chỉ màu + yếu tố chỉ màu”.

Giá trị biểu đạt ở mỗi kiểu cấu tạo thể hiện ở một tập hợp các nét nghĩa nhất định:

- Đối với loại ghép chính phụ kiểu cấu trúc “yếu tố chỉ màu + yếu tố chỉ sắc độ” là một tập hợp gồm hai nét nghĩa: *nghĩa miêu tả* và *nghĩa biểu cảm*.

- Đối với từ ghép chính phụ kiểu cấu trúc “yếu tố chỉ màu + vật đại diện” là một tập hợp gồm hai nét nghĩa: *nghĩa miêu tả* và *nghĩa biểu trưng*.

- Đối với từ ghép đẳng lập kiểu cấu trúc “yếu tố chỉ màu + yếu tố chỉ màu” là một tập hợp gồm hai nét nghĩa: *nghĩa chỉ phạm trù* và *nghĩa miêu tả*.

- Đối với các từ láy chỉ màu sắc là một tập hợp gồm bốn thành tố nghĩa: *nghĩa phạm trù*, *nghĩa miêu tả*, *nghĩa đánh giá* và *nghĩa chỉ phạm vi*.

- Đối với kết cấu chính phụ chỉ màu sắc kiểu “yếu tố chỉ màu + *như* + vật đại diện” là một tập hợp gồm ba nét nghĩa: *nghĩa miêu tả*, *nghĩa so sánh* và *nghĩa biểu thái*.

- Đối với kết cấu đẳng lập chỉ màu sắc là một tập hợp gồm bốn nét nghĩa: *nghĩa miêu tả*, *nghĩa so sánh*, *nghĩa biểu thái* và *nghĩa biểu trưng*.

So với tiếng Việt, danh sách chỉ số lượng màu phái sinh của tiếng Pa Cô là ít hơn. Điểm giống nhau sự linh hoạt trong cách sử dụng các từ ghép chỉ màu sắc, tuy nhiên sự liên tưởng về màu sắc của người Pa Cô thông qua từ ghép về màu sắc khác so với tiếng Việt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tài Cẩn, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, 1975.
2. Đỗ Hữu Châu, *Các bình diện của từ và từ tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia, 1997.
3. Mai Ngọc Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến, *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*, Nxb Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, 1992.
4. Nguyễn Thiện Giáp, *777 khái niệm ngôn ngữ học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010.
5. Nguyễn Khánh Hà, *Hệ thống từ chỉ màu sắc trong tiếng Việt*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội, 1995.
6. David Lee, (Nguyễn Văn Hiệp, Hoàng An dịch), *Dẫn luận ngôn ngữ học tri nhận*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2014.
7. Đào Thân, *Hệ thống từ ngữ chỉ màu sắc của tiếng Việt trong sự liên hệ với mấy điều phổ quát*, Ngôn ngữ, Số 2, 1992.
8. Chu Bích Thu, *Thành phần đánh giá trong ngữ nghĩa một số tính từ*, Ngôn ngữ, Số 1, tr. 60-63, 1989.
9. Nguyễn Như Ý (Chủ biên), *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, Nxb Giáo Dục Việt Nam, 2001.